

Số: 32/QĐ-BVNS

Nga Sơn, ngày 12 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về việc khám bệnh, chữa bệnh
theo yêu cầu tại Bệnh viện Đa khoa Nga Sơn**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGA SƠN

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20/11/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 111/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 1550/QĐ-SYT ngày 11/09/2025 của Sở Y tế Thanh Hóa về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025;

Căn cứ Biên bản hội nghị đại biểu viên chức, người lao động năm 2026 ngày tại Bệnh viện Đa khoa Nga Sơn;

Xét đề nghị của Trưởng P Tài chính Kế toán P.KHTH, P.TCHC.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “ Quy định về việc khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Bệnh viện Đa khoa Nga Sơn”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp. Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Trưởng các khoa/phòng, bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (t/h);
- Ban Giám đốc (b/c);
- Lưu: VT, TCKT (NHU)



QUY ĐỊNH
Về việc khám bệnh, chữa bệnh
theo yêu cầu tại Bệnh viện Đa khoa Nga Sơn
(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 :/QĐ-BVNS ngày 12/02/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Nga Sơn)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. MỤC ĐÍCH

Bệnh viện Đa khoa Nga Sơn là bệnh viện hạng 2, có mức độ tự chủ chi thường xuyên thuộc nhóm 2, điều kiện cơ sở vật chất tốt với tòa nhà khám, chữa bệnh trung tâm 7 tầng đã đưa vào sử dụng đầu năm 2025 và thiết bị y tế hiện đại, cùng đội ngũ thầy thuốc đa khoa và chuyên khoa có trình độ cao. Uy tín của Bệnh viện đã được khẳng định nhiều năm qua, hàng ngày có khoảng 300 – 500 người bệnh đến khám và điều trị tại bệnh viện.

Để đáp ứng được yêu cầu phục vụ của người bệnh ngày càng nâng cao, tạo điều kiện chăm sóc người bệnh tận tình, chu đáo. Bệnh viện Đa khoa Nga Sơn tổ chức triển khai khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu cho đối tượng người bệnh tự nguyện với mục đích.

a. Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

Bảo đảm người bệnh được tiếp cận các dịch vụ khám chữa bệnh có chất lượng cao hơn, chuyên nghiệp hơn, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhân dân trên địa bàn huyện Nga Sơn và khu vực lân cận.

b. Tăng tính hài lòng của người bệnh.

Cung cấp các dịch vụ có lựa chọn về thời gian khám, bác sĩ khám, buồng bệnh theo yêu cầu; giảm thời gian chờ đợi; nâng cao sự thuận tiện và trải nghiệm của người bệnh trong suốt quá trình khám và điều trị.

c. Phát huy năng lực chuyên môn của bệnh viện

Tăng cường khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực chất lượng cao của bệnh viện; nâng cao tay nghề, uy tín và thương hiệu Bệnh viện Đa khoa Nga Sơn.

d. Tăng nguồn thu hợp pháp

Góp phần bổ sung nguồn kinh

phí cho hoạt động của bệnh viện; hỗ trợ tái đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và cải thiện thu nhập cho cán bộ viên chức theo đúng quy định của Nhà nước.

đ. Đáp ứng nhu cầu dịch vụ y tế ngày càng cao của người dân

Tạo điều kiện cho người dân được lựa chọn dịch vụ phù hợp với khả năng tài chính, nhu cầu chăm sóc sức khỏe và quyền được sử dụng dịch vụ y tế chất lượng.

e. Góp phần giảm tải cho tuyến trên.

Khi chất lượng và dịch vụ được nâng cao, người dân có thể yên tâm khám và điều trị tại địa phương, giảm tình trạng chuyển tuyến không cần thiết.

f. Tạo động lực kích thích cán bộ y tế phấn đấu nâng cao năng lực và tinh thần thái độ phục vụ

g. Tạo nguồn để hỗ trợ đối tượng không có hoặc không còn khả năng chi trả viện phí (các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn nhưng không thuộc diện nghèo hoặc diện chính sách xã hội được Nhà nước bảo trợ, trong quá trình điều trị không có hoặc mất khả năng tiếp tục chi trả viện phí do chi phí điều trị quá lớn).

Góp phần thực hiện chủ trương xã hội hoá công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, trong quá trình triển khai, học tập, rút kinh nghiệm về quản lý điều hành để tiếp tục mở rộng và đẩy mạnh xã hội hoá trong y tế.

2. Đối tượng áp dụng

Người bệnh đến khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Nga Sơn có nhu cầu sử dụng dịch vụ khám, chữa bệnh theo yêu cầu.

Không thực hiện việc khám bệnh theo yêu cầu ngoài giờ hành chính, ngày nghỉ lễ, thứ Bảy và Chủ nhật đối với những người bệnh vào viện trong tình trạng cấp cứu.

3. Nguồn nhân lực

Khoa khám bệnh, khoa có phòng theo yêu cầu, khoa cận lâm sàng, tổ hướng dẫn và chăm sóc khách hàng.

4. Danh mục khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu (kèm theo phụ lục số 1 chi tiết)

II. PHƯƠNG PHÁP CHI TRẢ

1. Khám bệnh theo yêu cầu tại bệnh viện

1.1 Quyền lợi của người bệnh

Khu vực khám theo yêu cầu trực thuộc khoa Khám bệnh được thiết kế vận hành thuận tiện với phương châm “Ân cần - Chu đáo - Chất lượng - Văn minh” và “Tận tình - Nhanh chóng - Chính xác”.

Khám theo yêu cầu tại các khoa do các trưởng, phó khoa, bố trí nhân lực và phòng khám riêng cho người bệnh.

Người bệnh đến khám bệnh theo yêu cầu sẽ nhận được sự phục vụ dịch vụ toàn diện từ khám, tư vấn, dịch vụ cận lâm sàng và cung cấp thuốc toàn diện. Mục tiêu đáp ứng tối đa nhanh chóng và mang lại sự hài lòng cao cho người bệnh là phương châm hoạt động của Bệnh viện.

1.2. Thời gian khám bệnh: Tất cả các ngày trong tuần.

1.3. Mức thu tiền dịch vụ theo yêu cầu tại Bệnh viện (*Phụ lục số 1 chi tiết kèm theo*)

1.4. Mức chi trả chế độ cho cán bộ tham gia phục vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu tại Bệnh viện:

1.4.1. Chi trả tiền giường bệnh theo yêu cầu: Mỗi khoa quy định được sử dụng không quá 20% so với tổng số giường bệnh thực hiện bình quân của năm trước liền kề

- Trừ giá BHYT thực hiện theo Nghị quyết 596/NQ-HĐND ngày 14/12/2024.

- Trừ chi phí phục vụ nước uống, khăn lau, giấy thấm, bánh, kẹo và các chi phí hậu cần khác.

- Trừ chi phí quản lý, chi phí khấu hao.

- Chi phí thuế TNDN.

- Số chênh lệch còn lại tính chi trả như sau:

+ Chi 35% và chi phí phục vụ cho khoa chăm sóc điều trị.

+ Phần còn lại chi 15% cho bộ phận gián tiếp bao gồm (Các khoa cận lâm sàng và các phòng chức năng tham mưu; chi 2,4 % cho ban điều hành (ban lãnh đạo); chi 47,2% bổ sung vào nguồn thu hạch toán kế toán theo quy định (có phụ lục số 1 chi tiết kèm theo).

Ghi chú: *Tương tự áp dụng chi trả giường bệnh theo yêu cầu loại 2, loại 3 công thức đều tính như trên.*

1.4.2. Chi trả tiền phẫu thuật, thủ thuật;

- Trừ giá BHYT thực hiện theo Nghị quyết 596/NQ-HĐND ngày 14/12/2024.

- Trừ chi phí phục vụ nước uống, khăn lau, giấy thấm, bánh, kẹo và các chi phí hậu cần khác.

- Trừ chi phí quản lý, chi phí khấu hao.

- Trừ chi phí thuế TNDN

- Số chênh lệch còn lại tính chi trả như sau:

- + 20% chi cho kíp mổ: (trong đó: BSPT viên chính 6%; BSPT viên phụ 4%; BS Gây mê chính 6%; điều dưỡng phụ mê 2%; điều dưỡng tít dụng cụ 2%)

- + 10% chi cho bộ phận PT-GMHS và khoa điều trị trực tiếp bệnh nhân.

- + Phần còn lại chi 15% cho bộ phận gián tiếp bao gồm (Các khoa cận lâm sàng và các phòng chức năng tham mưu; chi 2,4% cho ban điều hành (ban lãnh đạo); chi 52,6% bổ sung vào nguồn thu hạch toán kế toán theo quy định (có phụ lục số 3 chi tiết kèm theo).

Ghi chú: Tương tự áp dụng chi trả các dịch vụ phẫu thuật, thủ thuật công thức đều tính như trên.

1.4.3. Chi trả tiền khám bệnh

a. Khám bệnh do thầy thuốc tại Bệnh viện

- Trừ giá BHYT thực hiện theo Nghị quyết 596/NQ-HĐND ngày 14/12/2024.

- Trừ chi phí phục vụ nước uống, khăn lau, giấy thấm, bánh, kẹo và các chi phí hậu cần khác.

- Trừ chi phí quản lý, chi phí khấu hao.

- Chi phí thuế TNDN.

- Số chênh lệch còn lại tính chi trả như sau:

- + 30% cho phòng khám Bác sỹ trực tiếp khám, điều dưỡng hướng dẫn, phục vụ (bộ phận trực tiếp)

- + Phần còn lại chi 15% cho bộ phận gián tiếp bao gồm (Các khoa cận lâm sàng và các phòng chức năng tham mưu; chi 2,4% cho ban điều hành (ban lãnh đạo); chi 52,6% bổ sung vào nguồn thu hạch toán kế toán theo quy định (có phụ lục số 2 chi tiết kèm theo)

Ghi chú: Tương tự áp dụng chi trả các dịch vụ khám bệnh yêu cầu tùy theo lựa chọn trình độ của thầy thuốc công thức đều tính như trên

b. Khám bệnh theo yêu cầu do thầy thuốc được mời theo chuyên ngành ngoại viện về

Chi trả tiền khám bệnh:

- Trừ giá BHYT thực hiện theo Nghị quyết 596/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 (Chờ xây dựng giá theo yêu cầu)

- Trừ chi phí phục vụ nước uống, khăn lau, giấy thấm, bánh, kẹo và các chi phí hậu cần khác.

- Trừ chi phí quản lý, chi phí khấu hao.

- Chi phí thuế TNDN.

- Số chênh lệch còn lại tính chi trả như sau:

+ 30% chi cho giáo sư (nếu thiếu do thỏa thuận của GS tuyến trung ương thì trả bằng nguồn chi trực tiếp mục chi cho chuyên môn)

+ 20% cho kíp khám bệnh cùng.

+ 10% cho kíp trực (nếu khám T7, CN)

+ 10% chi cho người giới thiệu dịch vụ

+ Phần còn lại chi 15% cho bộ phận gián tiếp bao gồm (Các khoa cận lâm sàng và các phòng chức năng tham mưu; chi 2,4% cho ban điều hành (ban lãnh đạo); chi 12,6% bổ sung vào nguồn thu hạch toán kế toán theo quy định (có phụ lục số 4 chi tiết kèm theo)

Ghi chú: Tương tự áp dụng chi trả các dịch vụ khám bệnh yêu cầu tùy theo lựa chọn trình độ của thầy thuốc công thức đều tính như trên

1.4.4. Chi trả tiền chuẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng:

- Trừ giá BHYT thực hiện theo Nghị quyết 596/NQ-HĐND ngày 14/12/2024.

- Trừ chi phí phục vụ nước uống, khăn lau, giấy thấm, bánh, kẹo và các chi phí hậu cần khác.

- Trừ chi phí quản lý, chi phí khấu hao.

- Chi phí thuế TNDN.

- Số chênh lệch còn lại tính chi trả như sau:

+ Chi 10% còn lại và chi phí phục vụ cho khoa trực tiếp Bác sỹ thực hiện và y tá phụ.

+ 18% chi cho người chỉ định tại khoa điều trị, hoặc phòng khám chỉ định

+ Phần còn lại chi 10% cho bộ phận gián tiếp bao gồm (Các khoa cận lâm sàng và các phòng chức năng tham mưu; chi 2,4% cho ban điều hành (ban lãnh đạo); chi 62,6% bổ sung vào nguồn thu hạch toán kế toán theo quy định (phụ lục số 3 chi tiết kèm theo)

Ghi chú: Tương tự áp dụng chi trả các dịch vụ chuẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng công thức đều tính như trên.

1.4.5. Chi trả tiền khoa Đông y, PHCN;

- Trừ giá BHYT thực hiện theo Nghị quyết 596/NQ-HĐND ngày 14/12/2024.

- Trừ chi phí phục vụ nước uống, khăn lau, giấy thấm, bánh, kẹo và các chi phí hậu cần khác.

- Trừ chi phí quản lý, chi phí khấu hao.

- Chi phí thuế TNDN.

- Số chênh lệch còn lại tính chi trả như sau:

- + Chi 30% còn lại và chi phí phục vụ cho khoa trực tiếp làm các dịch vụ.

- + 20% chi cho người giới thiệu dịch vụ (nếu khoa khác giới thiệu thì khoa khác hưởng phần này còn không có khoa nào giới thiệu thì khoa Đông y, PHCN hưởng 50%)

- + Phần còn lại chi 15% cho bộ phận gián tiếp bao gồm (Các khoa cận lâm sàng và các phòng chức năng tham mưu; chi 2,4% cho ban điều hành (ban lãnh đạo); chi 32,6% bổ sung vào nguồn thu hạch toán kế toán theo quy định (có phụ lục số 5 chi tiết kèm theo).

Ghi chú: Tương tự áp dụng chi trả các dịch vụ đông y, PHCN công thức đều tính như trên.

1.4.6. Chi trả tiền Tắm bé

- Trừ chi phí trực tiếp (vật tư tiêu hao, điện nước).

- Trừ chi phí phục vụ nước uống, khăn lau, giấy thấm, bánh, kẹo và các chi phí hậu cần khác.

- Trừ chi phí quản lý, chi phí khấu hao.

- Chi phí thuế TNDN.

- Số chênh lệch còn lại tính chi trả như sau:

- + Chi 30% còn lại và chi phí phục vụ cho khoa trực tiếp làm các dịch vụ .

- + Phần còn lại chi 15% cho bộ phận gián tiếp bao gồm (Các khoa cận lâm sàng và các phòng chức năng tham mưu; chi 2,4% cho ban điều hành (ban lãnh đạo); chi 52,6% bổ sung vào nguồn thu hạch toán kế toán theo quy định (có phụ lục số 3 chi tiết kèm theo).

1.4.7. Chi trả tiền Test hp

- Trừ chi phí trực tiếp (vật tư tiêu hao, điện nước).

- Trừ chi phí phục vụ nước uống, khăn lau, giấy thấm, bánh, kẹo và các chi phí hậu cần khác.

- Trừ chi phí quản lý, chi phí khấu hao.

- Chi phí thuế TNDN.

- Số chênh lệch còn lại tính chi trả như sau:

- + Chi 10% còn lại và chi phí phục vụ cho khoa trực tiếp làm dịch vụ.

- + Chi 40% còn lại cho khoa lâm sàng làm dịch vụ.

+ Phần còn lại chi 15% cho bộ phận gián tiếp và các phòng chức năng tham mưu; chi 2,4% cho ban điều hành (ban lãnh đạo); chi 32,6% bổ sung vào nguồn thu hạch toán kế toán theo quy định (có phụ lục số 3 chi tiết kèm theo).

1.4.8. Chi trả tiền gọi đầu tại giường

- Trừ chi phí trực tiếp (vật tư tiêu hao, điện nước).
- Trừ chi phí phục vụ nước uống, khăn lau, giấy thấm, bánh, kẹo và các chi phí hậu cần khác.

- Trừ chi phí quản lý, chi phí khấu hao.

- Chi phí thuế TNDN.

- Số chênh lệch còn lại tính chi trả như sau:

+ 30% Chi cho khoa trực tiếp làm các dịch vụ

+ Phần còn lại chi 15% cho bộ phận gián tiếp bao gồm (Các khoa cận lâm sàng và các phòng chức năng tham mưu; chi 2,4% cho ban điều hành (ban lãnh đạo); chi 52,6% bổ sung vào nguồn thu hạch toán kế toán theo quy định (có phụ lục số 2 chi tiết kèm theo)

1.4.9. Chi trả tiền dịch vụ chụp CITYSCANNER

- Trừ chi phí trực tiếp (vật tư tiêu hao, điện nước).
- Trừ chi phí phục vụ nước uống, khăn lau, giấy thấm, bánh, kẹo và các chi phí hậu cần khác.

- Trừ chi phí quản lý, chi phí khấu hao.

- Chi phí thuế TNDN.

- Số chênh lệch còn lại tính chi trả như sau:

+ Chi 10% còn lại và chi phí phục vụ ho khoa trực tiếp làm dịch vụ.

+ Chi 18% còn lại Chi cho khoa chỉ định dịch vụ.

+ Phần còn lại chi 10% cho bộ phận gián tiếp bao gồm (Các khoa cận lâm sàng và các phòng chức năng tham mưu; chi 2,4% cho ban điều hành (ban lãnh đạo); chi 59,6% bổ sung vào nguồn thu hạch toán kế toán theo quy định (có phụ lục số 7 chi tiết kèm theo)

Các dịch vụ tương tự còn lại nếu phát sinh thì giám đốc quyết định mức chi trả sao cho phù hợp.

1.4.10. Chi trả tiền kỹ thuật giảm đau sau mổ

- Trừ chi phí trực tiếp (vật tư tiêu hao, điện nước).
- Trừ chi phí phục vụ nước uống, khăn lau, giấy thấm, bánh, kẹo và các chi phí hậu cần khác.

- Trừ chi phí quản lý, chi phí khấu hao.

- Chi phí thuế TNDN.

- Số chênh lệch còn lại tính chi trả như sau:

+ Chi 40% còn lại và chi phí phục vụ cho khoa trực tiếp chăm sóc bệnh nhân.

+ Phần còn lại chi 15% cho bộ phận gián tiếp bao gồm (Các khoa cận lâm sàng và các phòng chức năng tham mưu; chi 2,4% cho ban điều hành (ban lãnh đạo); chi 42,6% bổ sung vào nguồn thu hạch toán kế toán theo quy định (có phụ lục số 8 chi tiết kèm theo)

Các dịch vụ tương tự còn lại nếu phát sinh thì giám đốc quyết định mức chi trả sao cho phù hợp.

1.4.11. Chi trả tiền kỹ thuật Chiếu tia Plasma lạnh điều trị vết thương hoặc vết mổ.

- Trừ chi phí trực tiếp (vật tư tiêu hao, điện nước).
- Trừ chi phí phục vụ nước uống, khăn lau, giấy thấm, bánh, kẹo và các chi phí hậu cần khác.

- Trừ chi phí quản lý, chi phí khấu hao.

- Chi phí thuế TNDN.

- Số chênh lệch còn lại tính chi trả như sau:

- + 50% Chi cho khoa trực tiếp chăm sóc bệnh nhân

+ Phần còn lại chi 15% cho bộ phận gián tiếp bao gồm (Các khoa cận lâm sàng và các phòng chức năng tham mưu; chi 2,4% cho ban điều hành (ban lãnh đạo); chi 32,6% bổ sung vào nguồn thu hạch toán kế toán theo quy định (có phụ lục số 9 chi tiết kèm theo)

Các dịch vụ tương tự còn lại nếu phát sinh thì giám đốc quyết định mức chi trả sao cho phù hợp.

1.4.12. Chi trả tiền hợp đồng vận chuyển bệnh nhân đi, về tuyến BVĐK Nga Sơn.

- Trừ chi phí trực tiếp (vật tư tiêu hao).
- Trừ chi phí phục vụ nước uống, khăn lau, giấy thấm, bánh, kẹo và các chi phí hậu cần khác.

- Trừ chi phí quản lý, chi phí khấu hao.

- Trừ đi chi phí hợp đồng cán bộ vận chuyển.

- Trừ đi Chi phí thuế TNDN.

- Số chênh lệch còn lại tính chi trả như sau:

- + Chi cho lái xe vận chuyển bệnh nhân chuyển tuyến 8,2 %.

+ Phần còn lại chi 15% cho bộ phận gián tiếp bao gồm (Các khoa cận lâm sàng và các phòng chức năng tham mưu; chi 2,4% cho ban điều hành (ban lãnh đạo); chi 74,4% bổ sung vào nguồn thu hạch toán kế toán theo quy định (có phụ lục số 10 chi tiết kèm theo).

Các dịch vụ tương tự còn lại nếu phát sinh thì giám đốc quyết định mức

chi trả sao cho phù hợp.

1.4.13. Chi trả tiền hỗ trợ đối với dịch vụ gây mê đại tràng.

- Trừ chi phí trực tiếp (vật tư tiêu hao, điện nước).
- Trừ chi phí phục vụ nước uống, khăn lau, giấy thấm, bánh, kẹo và các chi phí hậu cần khác.
- Trừ chi phí quản lý, chi phí khấu hao.
- Chi phí thuế TNDN.
- Số chênh lệch còn lại tính chi trả như sau:
 - + Chi 5% còn lại và chi phí phục vụ cho khoa trực tiếp làm dịch vụ.
 - + Chi 15% còn lại cho khoa cận lâm sàng chỉ định dịch vụ.
 - + Phần còn lại chi 10% cho bộ phận gián tiếp bao gồm (Các khoa cận lâm sàng và các phòng chức năng tham mưu; chi 2,4% cho ban điều hành (ban lãnh đạo); chi 67,6% bổ sung vào nguồn thu hạch toán kế toán theo quy định (có phụ lục số 11 chi tiết kèm theo)

Các dịch vụ tương tự còn lại nếu phát sinh thì giám đốc quyết định mức chi trả sao cho phù hợp.

1.4.13. Chi trả tiền hỗ trợ đối với dịch vụ gây mê dạ dày.

- Trừ chi phí trực tiếp (vật tư tiêu hao, điện nước).
- Trừ chi phí phục vụ nước uống, khăn lau, giấy thấm, bánh, kẹo và các chi phí hậu cần khác.
- Trừ chi phí quản lý, chi phí khấu hao.
- Chi phí thuế TNDN.
- Số chênh lệch còn lại tính chi trả như sau:
 - + Chi 5% còn lại và chi phí phục vụ cho khoa trực tiếp làm dịch vụ.
 - + Chi 20% còn lại cho khoa cận lâm sàng chỉ định dịch vụ.
 - + Phần còn lại chi 10% cho bộ phận gián tiếp bao gồm (Các khoa cận lâm sàng và các phòng chức năng tham mưu; chi 2,4 % cho ban điều hành (ban lãnh đạo); chi 62,6 % bổ sung vào nguồn thu hạch toán kế toán theo quy định (có phụ lục số 12 chi tiết kèm theo)

Các dịch vụ tương tự còn lại nếu phát sinh thì giám đốc quyết định mức chi trả sao cho phù hợp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Phòng Kế hoạch nghiệp vụ

- Giám sát, điều phối nhân lực khám theo yêu cầu tại các khoa, phòng khám.

- Phối hợp với khoa Khám bệnh và các khoa, phòng rà soát và lập kế hoạch cụ thể các phòng khám yêu cầu.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, truyền thông về hoạt động khám chữa bệnh theo yêu cầu của Bệnh viện để nhân dân được biết.

2. Trách nhiệm của Khoa Khám bệnh, các khoa tổ chức khám theo yêu cầu và Tổ chăm sóc khách hàng (thuộc phòng TCCB)

- Tổ chăm sóc khách hàng có trách nhiệm đón tiếp, hướng dẫn cho người bệnh đăng ký và lựa chọn hình thức khám bệnh theo yêu cầu, lấy số thứ tự khám và dẫn người bệnh đến các phòng khám theo yêu cầu.

- Bác sỹ tại các phòng khám: Khám bệnh, chỉ định các xét nghiệm, thăm dò và chẩn đoán hình ảnh.

- Căn cứ vào từng loại hình dịch vụ người bệnh sử dụng, dẫn người bệnh đến các khoa cận lâm sàng làm xét nghiệm, thăm dò và chẩn đoán hình ảnh theo chỉ định của bác sỹ; trong khi chờ kết luận của bác sỹ, đưa người bệnh về nghỉ ngơi tại phòng chờ.

- Phối hợp với các khoa cận lâm sàng lấy kết quả xét nghiệm, thăm dò và chẩn đoán hình ảnh chuyển về các phòng khám nơi bác sỹ ra chỉ định.

- Sau khi có kết quả cận lâm sàng, bác sỹ kết luận bệnh, tư vấn, kê đơn và hướng dẫn người bệnh điều trị, đồng thời ghi số điện thoại của người bệnh để liên hệ theo dõi người bệnh trong quá trình điều trị, mời người bệnh khám lại sau đợt điều trị; trong trường hợp cần điều trị nội trú thì thông báo, giải thích cho người bệnh được biết, làm hồ sơ bệnh án và dẫn người bệnh vào khoa điều trị.

- Các phòng khám có trách nhiệm thống kê số lượng, loại hình người bệnh sử dụng dịch vụ theo yêu cầu hàng tháng nộp cho khoa Khám bệnh để tổng hợp và đối chiếu với phòng Tài chính kế toán để làm căn cứ thanh toán.

3. Trách nhiệm của Các khoa cận lâm sàng

- Bố trí nhân lực đi làm theo các phòng khám theo yêu cầu

- Sắp xếp ưu tiên cho những người bệnh sử dụng dịch vụ theo yêu cầu

- Trả kết quả ngay sau khi thực hiện xong kỹ thuật.

4. Trách nhiệm của Phòng Tài chính kế toán

- Thực hiện thanh toán theo quy định

- Thống kê số lượng, loại hình người bệnh sử dụng dịch vụ theo yêu cầu để theo dõi, giám sát và thực hiện thanh toán cho các bộ phận theo quy định.

5. Trách nhiệm của Phòng Hành chính quản trị

Phối hợp với phòng Tài chính - Kế toán cung ứng các dịch vụ cần thiết để phục vụ người bệnh. Kiểm tra, đôn đốc, giám sát cùng với phòng khám cung ứng các chi phí nước uống, bánh, kẹo, hoa để bàn... và các thực phẩm khác để phục vụ người bệnh đúng với yêu cầu khám, chữa bệnh theo yêu cầu.

Lắp hệ thống bảng hướng dẫn, truyền thông tại khoa Khám bệnh và trong toàn Bệnh viện.

6. Trách nhiệm của Khoa Dược, Phòng TB-VTYT

Phối hợp với các khoa khám bệnh và điều trị cung ứng thuốc, vật tư kịp thời.

7. Trách nhiệm của Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn

Phối hợp với các khoa có phòng theo yêu cầu Cung cấp đồ vải cho người bệnh, nhân viên y tế hằng ngày và khi cần.

Xử lý đồ vải tập trung tại khu giặt là. Đồ vải nhiễm khuẩn, đồ vải có máu, dịch tiết sinh học phải được xử lý riêng bảo đảm an toàn.

Bảo quản đồ vải sau xử lý trong tủ, kệ bảo đảm sạch, vô khuẩn và được vận chuyển riêng bằng phương tiện chuyên dụng.

Kiểm soát chất lượng và thường xuyên kiểm tra, giám sát, quy trình xử lý đồ vải.

Bố trí nơi giặt, sấy hoặc phơi đồ vải tập trung cho người nhà người bệnh.

Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ thực hành quản lý chất thải, bảo đảm chất thải được phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý an toàn theo đúng quy định của pháp luật. Quản lý, xử lý dụng cụ y tế tập trung, kiểm soát việc xử lý thiết bị, dụng cụ y tế tái sử dụng bảo đảm an toàn, chất lượng.

8. Trách nhiệm của Khoa dinh dưỡng

Phối hợp với các khoa có phòng theo yêu cầu để đưa suất ăn bệnh lý tại giường cho người bệnh, tư vấn dinh dưỡng cho người bệnh.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị bộ phận, cá nhân phản ánh về phòng Tài chính kế toán để hướng dẫn, giải quyết kịp thời./.

Phụ lục I

DANH MỤC MỘT SỐ DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Giá thu (đồng)	Giá theo NQ 596	Tổng giá thu	Ghi chú
I	GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH THEO YÊU CẦU				
1	Khám bệnh theo yêu cầu	100.000	45.000	100.000	
II	DANH MỤC GIÁ DỊCH VỤ NGÀY GIƯỜNG BỆNH, PHÒNG ĐIỀU TRỊ THEO YÊU CẦU				
1	Giường theo yêu cầu	250.000	301.601	551.601	
2	Giường theo yêu cầu 1	300.000	301.601	601.601	
3	Giường VIP1	350.000	301.601	651.601	
4	Phòng theo yêu cầu	500.000	301.601	801.601	
5	Phòng theo yêu cầu (VIP)	800.000	301.601	1.101.601	
6	Phòng VIP1	900.000	301.601	1.201.601	
III	DANH MỤC DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THEO YÊU CẦU				
1	Tiền nước RO + giấy vệ sinh (người nhà theo chăm 01 ngày)	10.000		10.000	
2	Giấy chứng sinh	10.000		10.000	
3	Test sốt xuất huyết Dengue (độ nhạy cao)	200.000		200.000	
4	Test thử thai (Quicktick)	21.500		21.500	
5	Xe đưa đón bệnh nhân theo yêu cầu (1 km)	22.000		22.000	
6	Sao giấy khám sức khỏe	30.000		30.000	
7	Gội đầu	60.000		60.000	
8	Tắm bé	60.000		60.000	
9	Soi cổ tử cung (tầm soát ung thư sớm có chuẩn bị)	70.000		70.000	
10	Sao bắn tẩm thuốc bệnh án điều trị nội trú	100.000		100.000	
11	Test HP	150.000		150.000	
12	Test sốt xuất huyết Dengue (độ nhạy trung bình)	150.000		150.000	

13	Sao bệnh án	150.000		150.000	
14	Sao toàn bộ hồ sơ bệnh án	200.000		200.000	
15	Chôn chỉ (cấy chỉ)	250.000		250.000	
16	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện hoặc nhiệt hoặc Laser	250.000	191.500	250.000	
17	Điều trị một số bệnh da bằng Laser CO2, Plasma, đốt điện, ni tơ lỏng	250.000	399.000	649.000	
18	Xoắn hoặc cắt bỏ polyp âm hộ, âm đạo, cổ tử cung	370.000	436.200	806.200	
19	Chụp cắt lớp vi tính không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	650.000	550.100	650.000	
20	Tiền vận chuyên Bệnh nhân (Đi đến các BV trong Thanh Hóa: Tĩnh, Nhi, Phụ Sản, Hợp Lực, Da Liễu, Ung Bướu, YHCT, Lao phổi)	1.000.000		1.000.000	
21	Gây mê cho bệnh nhân nội soi thực quản dạ dày, tá tràng,...	750.000		750.000	
23	Gây mê + Test HP cho bệnh nhân nội soi thực quản dạ dày, tá tràng,...	850.000		850.000	
24	Tạo hình vành tai	1.000.000		1.000.000	
25	Cắt phanh lưỡi bằng laser	1.000.000	344.200	1.344.200	
26	Cắt u vùng mắt	1.000.000		1.000.000	
27	Nhổ răng số 8	1.000.000	239.500	1.239.500	
28	Phẫu thuật theo yêu cầu (khoa chuyên khoa)	1.000.000		1.000.000	
29	Nội soi dạ dày tá tràng + Gây mê + Test HP	1.105.000	276.500	1.105.000	
30	Giảm đau sau mổ	1.300.000		1.300.000	
31	Dầu xe vận chuyển BN đến BV 5 QK 3 Ninh Bình	1.000.000		1.000.000	
32	Phẫu thuật theo yêu cầu	1.600.000		1.600.000	
33	Phụ thu tiền phẫu thuật theo yêu cầu ngoài giờ	2.200.000		2.200.000	
34	Phẫu thuật cắt bao quy đầu bằng máy Stapler (Đã bao gồm máy Stapler)	3.000.000	1.509.500	3.000.000	
35	Phụ thu tán sỏi Laser	3.000.000		3.000.000	
36	Tiền vận chuyển bệnh nhân đi, về từ 100km đến dưới 130 km (tuyến BVĐK Nga Sơn – Bệnh viện đa khoa quốc tế Hợp Lực)	2.500.000		2.500.000	
36	Tiền vận chuyển bệnh nhân đi, về từ 130km đến dưới 200 km (tuyến BVĐK Nga Sơn - Hà Nội)	3.500.000		3.500.000	
37	Cắt da thừa mí mắt + Treo chân mày	4.000.000		4.000.000	
38	Chụp cắt lớp vi tính có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	800.000	663.400	800.000	
39	Gây mê để nội soi dạ dày - đại tràng	1.375.000		1.375.000	
39	Gây mê để nội soi đại tràng	1.000.000		1.000.000	
40	Cắt da thừa mí mắt + Lấy mỡ mí mắt	4.000.000		4.000.000	

41	Cắt mí tạo nếp mí mắt	4.000.000		4.000.000	
42	Cắt dị tật vành tai	2.000.000		2.000.000	
43	Nhấn mí tạo nếp mí mắt	2.000.000		2.000.000	
44	Cắt nốt ruồi thẩm mỹ	1.000.000		1.000.000	
45	Cắt phanh môi bằng laser	500.000		500.000	
46	Cắt u vùng mặt	1.000.000		1.000.000	
47	Xông hơi vùng kín sau sinh bằng được liệu (xông nằm)	200.000		200.000	
47	Xông hơi vùng kín sau sinh bằng được liệu (xông ngồi)	150.000		150.000	
48	Phụ thu tiền đầu xe đi lấy máu và các chế phẩm của máu	100.000		100.000	
49	Phụ thu tiền nhân viên y tế đi lấy máu, bảo quản các chế phẩm của máu	100.000		100.000	
50	Dịch vụ nhà mổ tử thi	500.000		500.000	
51	Đội cấp cứu ngoại viện tại nhà cho bệnh nhân trong huyện (ngoài giờ hành chính)từ 1h đến 8h	350.000		350.000	
52	Đội cấp cứu ngoại viện tại nhà cho bệnh nhân trong huyện (trong giờ hành chính)từ 1h đến 8h	300.000		300.000	
53	Chọc hút tuyến giáp theo yêu cầu	100.000	58.600	100.000	
54	Siêu âm Doppler tim theo yêu cầu (VP)	211.000	252.300	211.000	
55	Xoa bóp bấm huyệt theo vùng	50.000	76.000	126.000	
56	Điện châm	50.000	78.300	128.300	
57	Thủy châm	50.000	77.100	127.100	
58	Chiếu đèn hồng ngoại	10.000	40.900	50.900	
59	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	25.000	48.900	73.900	
60	Điện xung	25.000	44.900	69.900	
61	Đắp parapin	30.000		30.000	
62	Điều trị bằng siêu âm	25.000	48.700	74.400	
63	Kéo dẫn cột sống	25.000	54.800	79.800	
64	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trâm xoay máy răng 1 chân	500.000	455.500	500.000	
65	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trâm xoay máy răng 2 chân	500.000	455.500	500.000	
66	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trâm xoay máy răng 3 chân	500.000	455.500	500.000	
67	Răng cố định 1 răng- Răng kim loại	700.000		700.000	
68	Răng cố định 1 răng- Răng sứ Titan	1.000.000		1.000.000	

69	Răng cố định 1 răng- Răng sứ Ziconia	2.500.000		2.500.000	
70	Răng cố định 1 răng- Răng sứ Coban	1.500.000		1.500.000	
71	Răng cố định 1 răng- Răng sứ Cecontht	3.500.000		3.500.000	
72	Hàm giả tháo lắp (1 hàm)	2.000.000		2.000.000	
73	Hàm giả tháo lắp (2 hàm)	5.000.000		5.000.000	
74	Tiêm nội khớp	300.000		300.000	
75	Chiếu tia Plasma lạnh điều trị vết thương hoặc vết mổ /1 lần	200.000	145.900	200.000	

BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGÀ SƠN

VÍ DỤ BẢNG CHI TIỀN HỖ TRỢ
ĐỐI VỚI BỆNH NHÂN TỰ NGUYỆN NẪM GIƯỜNG DỊCH VỤ

Tháng 01 năm 2026

[illegible]

[illegible]

Phụ lục số 3
VÍ DỤ CHI TRẢ DỊCH VỤ YÊU CẦU (khám mời chuyên gia ngoại viện)

[illegible]

[illegible]

PHỤ LỤC SỐ 5

BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGÀ SƠN

VÍ DỤ BẢNG CHI TIỀN HỖ TRỢ
ĐỐI VỚI BỆNH NHÂN TẮM BÉ

Tháng 01 năm 2026

STT	Khoa làm dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chi phí cấu thành giá /01 bệnh nhân					Còn lại	Tỉ lệ trích lại cho các khoa	Chi lại cho khoa	Ký nhận
					Vật tư	Phục vụ	Quản lý	Khấu hao TS	Thuế				
					21.960	5.000	1.321	261	12.000				
		1	2	3=1*2	4	5	6	7	8	9=3-4-5-6-7-8	10	11=9*10	12
A	Chi lại cho các khoa phòng										47,4%	1.422.309	10
I	Khoa Sản	100	60.000	6.000.000	2.196.000	500.000	132.100	26.100	1.200.000	1.945.800	30%	1.083.740	
1	Khoa Sản	100	60.000	6.000.000	2.196.000	500.000	132.100	26.100	1.200.000	1.945.800		1.083.740	
II	Bộ phận gián tiếp	114									15%	291.870	
1	Phòng TCHC	8										20.482	
2	Phòng TCKT	16										40.964	
3	Phòng Điều dưỡng	9										23.042	
4	Phòng KHTH	8										20.482	
5	Khoa xét nghiệm	11										28.163	
6	Chuẩn đoán hình ảnh	20										51.205	
7	Khoa nhiễm khuẩn	9										23.042	
8	Khoa dược	10										25.603	
9	Phòng vật tư TTBYT	8										20.482	
10	Khoa khám bệnh	15										38.404	
III	Ban chỉ đạo	9									2,4%	46.699	
B	Trích nguồn thu tại đơn vị										52,6%	1.023.491	
	Cộng tổng:										100%	2.445.800	

PHỤ LỤC SỐ 6

BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGÀ SƠN

VÍ DỤ BẢNG CHI TIỀN HỖ TRỢ ĐỐI VỚI BỆNH NHÂN LÀM TEST HP

Tháng 01 năm 2026

[illegible]

PHỤ LỤC SỐ 7

BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGÀ SƠN

VÍ DỤ BẢNG CHI TIỀN HỖ TRỢ ĐỐI VỚI BỆNH NHÂN CHỤP CITYSCANNER

Tháng 01 năm 2026

[illegible]

PHỤ LỤC SỐ 8

BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGA SƠN

VÍ DỤ BẢNG CHI TIỀN HỖ TRỢ ĐỐI VỚI BỆNH NHÂN GIẢM ĐAU SAU MỔ

Tháng 01 năm 2026

[illegible]

PHỤ LỤC SỐ 9

BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGÀ SƠN

VÍ DỤ BẢNG CHI TIỀN HỖ TRỢ
ĐỐI VỚI BỆNH NHÂN CHẠY KHÍ PLASMA
 Tháng 01 năm 2026

STT	Khoa làm dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chi phí cấu thành giá /01 bệnh nhân					Còn lại	Tỉ lệ trích lại cho các khoa	Chi lại cho khoa	Ký nhận
					Vật tư	Phục vụ	Quản lý	Khấu hao TS	Thuế				
					28.571	5.000	2.758	10.000	40.000				
		1	2	3=1*2	4	5	6	7	8	9=3-4-5-6-7-8	10	11=9*10+5	12
A	Chi lại cho các khoa phòng										67,40%	8.835.425	
I	Các khoa lâm sàng	100		20.000.000	2.857.100	500.000	275.800	-	4.000.000	12.367.100	50%	6.683.550	
1	Khoa ngoại	100	200.000	20.000.000	2.857.100	500.000	275.800		4.000.000	12.367.100		6.683.550	
II	Bộ phận gián tiếp	114									15%	1.855.065	
1	Phòng TCHC	8										389.238	
2	Phòng TCKT	16										778.476	
3	Phòng Điều dưỡng	9										437.893	
4	Phòng KHTH	8										389.238	
5	Khoa xét nghiệm	11										535.203	
6	Chuẩn đoán hình ảnh	20										973.096	
7	Khoa nhiễm khuẩn	9										437.893	
8	Khoa dược	10										486.548	
9	Phòng vật tư TTBYT	8										389.238	
10	Khoa khám bệnh	15										729.822	
III	Ban chỉ đạo	9									2,40%	296.810	
B	Trích lại nguồn thu tại đơn vị										32,60%	4.031.675	
	Cộng tổng:											12.867.100	

PHỤ LỤC SỐ 10

BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGA SƠN

**VÍ DỤ BẢNG CHI TIỀN HỖ TRỢ
ĐỐI VỚI BỆNH NHÂN HỢP ĐỒNG XE DỊCH VỤ**

Tháng 01 năm 2026

STT	Khoa làm dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chi phí cấu thành giá/ chuyển				Còn lại	Tỉ lệ trích lại cho các khoa	Chi lại cho khoa	Ký nhận
					Phục vụ	Quản lý	Khấu hao TS	Thuế				
					5.000	2.758	341.728	20%				
		1	2	3=1*2	5	6	7	8	9=3-4-5-6-7-8	10	11=9*10+5	12
A	Chi cho lái xe, phòng ban chức năng, ban điều hành									25,6%	1.264.663	
I	Lái xe	2	3.500.000	7.000.000	10.000	5.516	683.456	1.400.000	4.901.028	8,2%	411.884	
1	Trịnh Ngọc Xuân	2	3.500.000	7.000.000	10.000	5.516	683.456	1.400.000	4.901.028		411.884	
II	Bộ phận gián tiếp	114								15%	735.154	
1	Phòng TCHC	8									51.590	
2	Phòng TCKT	16									103.180	
3	Phòng Điều dưỡng	9									58.038	
4	Phòng KHTH	8									51.590	
5	Khoa xét nghiệm	11									70.936	
6	Chuẩn đoán hình ảnh	20									128.974	
7	Khoa nhiễm khuẩn	9									58.038	
8	Khoa dược	10									64.487	
9	Phòng vật tư TTBYT	8									51.590	
10	Khoa khám bệnh	15									96.731	
III	Ban chỉ đạo	9								2,4%	117.625	
B	Trích nguồn thu tại đơn vị									74,4%	3.646.365	
	Cộng tổng:										4.911.028	

PHỤ LỤC SỐ 11

BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGÀ SƠN

**VÍ DỤ BẢNG CHI TIỀN HỖ TRỢ
ĐỐI VỚI BỆNH NHÂN GÂY MÊ ĐẠI TRÀNG**

Tháng 01 năm 2026

[illegible]

PHỤ LỤC SỐ 12

BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGÀ SƠN

VÍ DỤ BẢNG CHI TIỀN HỖ TRỢ ĐỐI VỚI BỆNH NHÂN GÂY MÊ DẠ DÀY

Tháng 01 năm 2026

[illegible]